

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI****Kỳ thi:** Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)**Phòng thi:** E302**Môn thi:** Kỹ năng viết**Ca thi:** 9h30-10h30**Ngày thi:** 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70001	20810310335	Hoàng Tuấn	Anh	16/06/2002			
2	TA70002	20810850073	Nguyễn Thuỳ	Anh	24/06/2002			
3	TA70003	20810850011	Phan Hoàng	Anh	23/12/2002			
4	TA70004	21710110040	Trần Đức	Anh	15/10/2003			
5	TA70005	20810110285	Vũ Đức	Anh	29/10/2002			
6	TA70006	20810000076	Đặng Ngọc	Ánh	10/12/2001			
7	TA70007	20CH5160003	Đỗ Văn	Bằng	02/07/1992			
8	TA70008	20810720029	Hoàng Đức	Bảo	03/09/2002			
9	TA70009	18810620038	Hoàng Văn	Đại	05/11/2000			
10	TA70010	19810110142	Nguyễn Văn	Đại	30/06/2001			
11	TA70011	20810620127	Hà Minh	Đăng	27/11/2002			
12	TA70012	20810160458	Nguyễn Ngọc	Đạt	29/08/2002			
13	TA70013	18810310459	Nguyễn Tiến	Đạt	14/07/2000			
14	TA70014	18810110017	Đào Xuân	Đức	13/08/2000			
15	TA70015	18810430084	Nguyễn Đắc	Đức	11/06/2000			
16	TA70016	20810000552	Nguyễn Vũ Mạnh	Đức	17/07/2002			
17	TA70017	19810510191	Đỗ Mạnh	Dũng	08/01/2001			
18	TA70018	18819120029	Lê Thanh	Dương	09/07/2000			
19	TA70019	20810850093	Nguyễn Tùng	Dương	04/11/2001			
20	TA70020	20810620096	Nguyễn Đình	Duy	20/11/2002			
21	TA70021	20810610010	Phạm Đức	Duy	15/10/2002			
22	TA70022	20810160560	Nguyễn Hương	Giang	11/09/2002			
23	TA70023	20810850004	Nguyễn Thị Hải	Giang	15/09/2002			
24	TA70024	20810170370	Phạm Thanh	Hà	24/09/2002			
25	TA70025	20810310052	Mai Thu	Hải	14/08/2002			
26	TA70026	20810420083	Vũ Việt	Hải	31/07/2002			
27	TA70027	21810710130	Đỗ Thị Thúy	Hằng	15/05/2003			
28	TA70028	18810230038	Lê Thị Thu	Hằng	23/08/2000			
29	TA70029	20810830228	Nguyễn Thị	Hằng	23/08/2002			
30	TA70030	21810810238	Nguyễn Thị	Hằng	01/08/2003			
31	TA70031	20810000139	Đinh Thị	Hiên	03/04/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E303

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h30-10h30

Ngày thi: 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70032	18810310149	Lê Văn	Hiếu	20/08/2000			
2	TA70033	21810710279	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/05/2003			
3	TA70034	19810420167	Nguyễn Minh	Hiếu	22/07/2001			
4	TA70035	19810310218	Nguyễn Minh	Hiếu	03/10/2001			
5	TA70036	20810170410	Nguyễn Trọng	Hiếu	07/06/2002			
6	TA70037	20810820107	Phạm Minh	Hiếu	11/03/2002			
7	TA70038	19810310076	Vũ Trung	Hiếu	07/11/2001			
8	TA70039	20810820102	Bùi Huy	Hiệu	30/08/2002			
9	TA70040	20810710190	Nguyễn Thị	Hoa	20/07/2002			
10	TA70041	18810310584	Nguyễn Đăng	Hòa	22/11/2000			
11	TA70042	18810310635	Vũ Ngọc	Hoan	22/06/2000			
12	TA70043	18810170253	Chu Việt	Hoàng	01/05/2000			
13	TA70044	18810000139	Nông Văn	Hoàng	07/11/2000			
14	TA70045	19810310125	Phạm Huy	Hoàng	16/11/2001			
15	TA70046	20819110080	Vũ Minh	Hoàng	27/07/2002			
16	TA70047	20810000083	Nguyễn Mạnh	Hùng	02/03/2002			
17	TA70048	20810850072	Nguyễn Mạnh	Hùng	29/03/2002			
18	TA70049	20810310016	Nguyễn Thành	Hưng	15/05/2000			
19	TA70050	20810850018	Phạm Nam	Hưng	19/05/2002			
20	TA70051	19810720166	Hoàng Thị	Hương	10/08/2000			
21	TA70052	20810310022	Nguyễn Ngọc Quang	Huy	15/07/2002			
22	TA70053	20810710203	Nguyễn Quang	Huy	29/03/2002			
23	TA70054	18810850032	Trần Ngọc	Huy	14/02/2000			
24	TA70055	20810000046	Trần Quang	Huy	02/08/2002			
25	TA70056	20810840152	Đào Thu	Huyền	01/01/2002			
26	TA70057	20810810086	Nguyễn Khánh	Huyền	28/06/2002			
27	TA70058	20810850058	Phùng Thị Khánh	Huyền	10/08/2002			
28	TA70059	18810810091	Đỗ Trung	Kiên	01/08/2000			
29	TA70060	21810710177	Trần Đức	Kiên	07/08/2003			
30	TA70061	18810610026	Kiều Văn	Kỳ	20/11/2000			
31	TA70062	18810310662	Đặng Tùng	Lâm	20/04/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách: Tổng số thí sinh có mặt:

Tổng số bài thi: Tổng số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Phòng thi: E404
Ngày thi: 25/07/2024

Ca thi: 9h30-10h30

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70063	19810810021	Trần Bích	Liên	10/11/2001			
2	TA70064	18810430170	Hoàng Đức	Linh	25/12/2000			
3	TA70065	20810850023	Nguyễn Tổng Khánh	Linh	18/12/2002			
4	TA70066	21810710201	Vũ Thị Quỳnh	Linh	16/02/2003			
5	TA70067	19810340622	Đinh Thị Bích	Loan	25/02/2001			
6	TA70068	18810310639	Lê Văn	Long	23/10/2000			
7	TA70069	18810850038	Nguyễn Hoàng	Long	18/11/2000			
8	TA70070	18810310475	Nguyễn Thành	Long	22/04/2000			
9	TA70071	19810000160	Nguyễn Văn	Long	05/06/2001			
10	TA70072	18810310165	Vũ Phi	Long	25/12/2000			
11	TA70073	21810840256	Lê Phương	Mai	20/04/2003			
12	TA70074	20810850083	Lê Đức	Mạnh	17/08/2002			
13	TA70075	1681110336	Nguyễn Công	Minh	28/01/1998			
14	TA70076	20810160460	Phùng Quang	Minh	26/03/2002			
15	TA70077	18810110257	Trần Công	Minh	10/08/2000			
16	TA70078	21810710135	Dương Thị Trà	My	04/09/2003			
17	TA70079	20810840145	Hoàng Hải	Nam	12/12/2002			
18	TA70080	20810610254	Lê Hoài	Nam	06/02/2002			
19	TA70081	20810610259	Nguyễn Bá Phương	Nam	25/12/2002			
20	TA70082	20810000167	Nguyễn Hoài	Nam	26/10/2002			
21	TA70083	20810820070	Đỗ Thanh	Nga	10/01/2002			
22	TA70084	20810000163	Vũ Thị Quỳnh	Nga	01/11/2002			
23	TA70085	1781810153	Đặng Thị Kim	Ngân	08/09/1999			
24	TA70086	20810820096	Doãn Hà	Ngọc	02/03/2002			
25	TA70087	1781610040	Nguyễn Lương	Nguyên	23/11/1999			
26	TA70088	19810710185	Nguyễn Thị	Nguyên	02/04/2001			
27	TA70089	20810850085	Đoàn Hồng	Nhung	20/01/2002			
28	TA70090	21810710176	Trần Thị	Nụ	09/08/2002			
29	TA70091	20810610256	Trần Văn	Phong	26/05/2002			
30	TA70092	21810170341	Khổng Minh	Phương	07/12/2003			
31	TA70093	20810160432	Hoàng Văn	Quân	04/07/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 9h30-10h30

Phòng thi: E401
Ngày thi: 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70094	20810170366	Chu Văn	Quyên	16/02/2002			
2	TA70095	20810000309	Đỗ Diễm	Quỳnh	09/01/2002			
3	TA70096	20810710268	Trần Thị	Quỳnh	02/09/2002			
4	TA70097	18819120006	Phan Văn	Sơn	29/07/1999			
5	TA70098	20810000129	Nguyễn Nhật	Tân	07/06/2002			
6	TA70099	20810610003	Vũ Đức	Thắng	04/06/2002			
7	TA70100	1781410030	Bùi Đình	Thanh	28/03/1999			
8	TA70101	20810850088	Bùi Khánh	Thảo	14/02/2002			
9	TA70102	20810850056	Lê Phương	Thảo	21/08/2002			
10	TA70103	20810850040	Nguyễn Phương	Thảo	23/06/2002			
11	TA70104	20810810062	Trần Thị Phương	Thảo	15/09/2002			
12	TA70105	21810840250	Nguyễn Thanh	Thúy	23/09/2003			
13	TA70106	1781410034	Nguyễn Minh	Tiến	26/07/1999			
14	TA70107	20810000101	Nguyễn Văn	Toàn	25/11/2002			
15	TA70108	21810710414	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	03/08/2003			
16	TA70109	21810710252	Phạm Thùy	Trang	14/10/2003			
17	TA70110	20810720277	Hà Thị	Trinh	27/08/2002			
18	TA70111	20810620036	Nguyễn Đăng	Trọng	28/06/2002			
19	TA70112	20810430182	Nguyễn Đức	Trọng	05/06/2002			
20	TA70113	20810720055	Nguyễn Việt	Trung	18/11/2002			
21	TA70114	21810710264	Kiều Văn	Tuân	01/03/2003			
22	TA70115	20810000183	Nguyễn Mạnh	Tuấn	18/09/2002			
23	TA70116	20810310002	Hà Đức	Tùng	03/09/2002			
24	TA70117	19810820037	Hồ Phương	Uyên	04/07/2001			
25	TA70118	20810710284	Trần Thị Thu	Uyên	16/10/2002			
26	TA70119	18819120030	Lê Đức	Việt	28/02/2000			
27	TA70120	21810170304	Nguyễn Văn	Việt	14/01/2003			
28	TA70121	20810710228	Đỗ Công	Vũ	13/12/2002			
29	TA70122	19810340168	Nguyễn Thị	Yến	22/08/2001			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Phòng thi: E402
Ngày thi: 25/07/2024

Ca thi: 8h00-9h00

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70123	20810000179	Bùi Tùng	Anh	14/06/2001			
2	TA70124	20810310073	Đặng Phương	Anh	01/01/2002			
3	TA70125	20810830196	Đỗ Mỹ	Anh	11/08/2002			
4	TA70126	20810000003	Lê Tâm	Anh	09/03/2002			
5	TA70127	22810860080	Nguyễn Hải	Anh	01/11/2004			
6	TA70128	20810710292	Nguyễn Thị Lan	Anh	05/05/2002			
7	TA70129	19810820047	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	02/02/2000			
8	TA70130	20810430192	Nguyễn Việt	Anh	28/02/2002			
9	TA70131	19810430063	Trần Nhật	Anh	31/07/2001			
10	TA70132	21810710104	Vũ Hoàng	Anh	03/11/2001			
11	TA70133	20810170419	Lê Thành	Công	12/10/2002			
12	TA70134	19810420044	Lê Xuân	Cường	14/07/2001			
13	TA70135	21810410064	Nguyễn Công	Danh	18/05/2003			
14	TA70136	ĐVTHS	Nghiêm Đức	Đạt	01/05/1997			
15	TA70137	20810720007	Nguyễn Tiến	Đạt	12/03/2002			
16	TA70138	21819100002	Trần Tiến	Đạt	19/10/2003			
17	TA70139	20810160541	Phạm Mạnh	Đỉnh	12/01/2002			
18	TA70140	19810420218	Lê Văn	Đức	25/08/2000			
19	TA70141	19810310328	Nguyễn Trung	Đức	16/04/2001			
20	TA70142	20810430157	Phạm Minh	Đức	15/05/2002			
21	TA70143	20810000188	Nguyễn Thuý	Dung	12/06/2002			
22	TA70144	19810310300	Lường Tiến	Dũng	21/01/2001			
23	TA70145	20810110173	Nguyễn Viết	Dũng	10/09/2002			
24	TA70146	22810230150	Nguyễn Ánh	Dương	12/08/2004			
25	TA70147	21710110022	Đoàn Quang	Duy	27/10/2000			
26	TA70148	20810310369	Đỗ Hoài	Giang	19/12/2002			
27	TA70149	20810170309	Dương Kim Hoàng	Giang	16/11/2002			
28	TA70150	20819110107	Vũ Phương	Hà	27/06/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** E403
Môn thi: Kỹ năng viết **Ca thi:** 8h00-9h00 **Ngày thi:** 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70151	20810430255	Vũ Đức	Hải	12/12/2002			
2	TA70152	20810830217	Nguyễn Thị	Hạnh	14/08/2002			
3	TA70153	20810000303	Phạm Thị Thu	Hiên	29/08/2002			
4	TA70154	19810230084	Nguyễn Mạnh	Hiệp	02/09/2001			
5	TA70155	20810410080	Đào Trọng	Hiếu	27/03/2002			
6	TA70156	20810170416	Nguyễn Trung	Hiếu	13/05/2002			
7	TA70157	20810160536	Trần Minh	Hiếu	06/03/2002			
8	TA70158	21810840283	Đoàn Thị	Hoa	14/03/2003			
9	TA70159	20810830188	Nguyễn Thị Minh	Hoài	11/05/2002			
10	TA70160	19810420162	Lê Huy	Hoàng	22/11/2001			
11	TA70161	20810000140	Đặng Vân	Hồng	15/12/2002			
12	TA70162	22810810057	Phạm Thị	Huê	27/09/2004			
13	TA70163	20810230095	Nguyễn Thị	Huệ	16/06/2002			
14	TA70164	20810000202	Nguyễn Thành	Hưng	26/05/2002			
15	TA70165	19810310349	Đỗ Thị Mai	Hương	23/06/2001			
16	TA70166	19810310103	Nguyễn Đức	Huy	11/12/2001			
17	TA70167	20810340248	Nguyễn Xuân	Huy	24/03/2002			
18	TA70168	22810440324	Trần Thanh An	Huy	18/01/2004			
19	TA70169	20810000169	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	06/06/2002			
20	TA70170	21810310174	Vũ Thị	Huyền	28/05/2003			
21	TA70171	20810710094	Tổng Nguyễn Quốc	Khánh	21/07/2002			
22	TA70172	20819110104	Nguyễn Công	Kiểm	07/11/2002			
23	TA70173	21810860390	Nguyễn Tùng	Lâm	18/09/2003			
24	TA70174	Thí sinh dự thi	Nguyễn Bá	Lâm	17/10/2001			
25	TA70175	20810000133	Khương Thị	Lành	17/06/2002			
26	TA70176	21810850395	Lại Thị Thùy	Linh	12/06/2003			
27	TA70177	20810310311	Nguyễn Mỹ	Linh	22/02/2002			
28	TA70178	20810000367	Nguyễn Thùy	Linh	04/02/2002			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: E503

Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 8h00-9h00

Ngày thi: 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70179	20810320119	Vũ Thị	Linh	19/01/2002			
2	TA70180	21810110516	Bùi Quang	Lộc	04/12/2003			
3	TA70181	20810420066	Nguyễn Xuân	Lộc	24/09/2002			
4	TA70182	19810310050	Đinh Hoàng	Long	18/12/2001			
5	TA70183	20810850075	Nông Hải	Long	07/03/2002			
6	TA70184	20810810130	Lê Thảo	Ly	19/08/2002			
7	TA70185	19810340652	Nguyễn Ngọc	Mai	21/08/2000			
8	TA70186	19810430254	Nguyễn Duy	Mạnh	14/04/2001			
9	TA70187	20810420022	Nguyễn Nhật	Minh	12/04/2002			
10	TA70188	18810310327	Quản Quốc	Minh	05/09/2000			
11	TA70189	21810810324	Hoàng Ánh	Mỹ	29/06/2003			
12	TA70190	19810420359	Trần Văn	Nam	12/02/2001			
13	TA70191	20810110151	Nguyễn Trung	Nghĩa	05/04/2002			
14	TA70192	21810440600	Trần Trung	Nguyên	10/03/2003			
15	TA70193	21810850412	Trần Thị Uyên	Nhi	15/05/2003			
16	TA70194	20810710128	Đỗ Năng	Phát	04/05/2002			
17	TA70195	19810310334	Nguyễn Hữu	Phú	16/09/2001			
18	TA70196	20810000439	Đỗ Nguyên	Phương	17/10/2002			
19	TA70197	20810850090	Tạ Thu	Phương	09/04/2001			
20	TA70198	20810110130	Đặng Hồng	Quân	16/03/2002			
21	TA70199	20810850066	Ngô Sỹ	Quân	27/09/2002			
22	TA70200	20810160424	Đỗ Đăng	Quang	31/03/2002			
23	TA70201	20810000411	Tổng Văn	Quang	21/10/2002			
24	TA70202	20810000516	Vũ Như	Quang	04/03/2002			
25	TA70203	21810810029	Nguyễn Thị	Quỳnh	03/02/2003			
26	TA70204	20810310389	Phạm Ngọc	Sơn	27/12/2002			
27	TA70205	19810110004	Đỗ Xuân	Thạch	25/11/2001			
28	TA70206	18810110220	Xeo Anh	Thái	13/03/1999			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai

(ký ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)
Môn thi: Kỹ năng viết

Ca thi: 8h00-9h00

Phòng thi: E504
Ngày thi: 25/07/2024

TT	SBD	Mã sinh viên	Họ	Tên	Năm sinh	Số tờ	Ký tên	Ghi chú
1	TA70207	Thí sinh dự thi	Lê Tất	Thắng	04/08/1997			
2	TA70208	20810620066	Nghiêm Đức	Thắng	27/11/2002			
3	TA70209	19810320047	Phùng Chí	Thanh	29/11/2001			
4	TA70210	1781830023	Lê Đức	Thành	02/09/1999			
5	TA70211	19810710219	Lê Ngọc	Thành	17/09/2001			
6	TA70212	20810170417	Nguyễn Đức	Thành	16/12/2001			
7	TA70213	20810170323	Trịnh Tiến	Thành	24/03/2002			
8	TA70214	20810000470	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12/08/2002			
9	TA70215	20810110279	Phạm Bá	Thịnh	18/07/2002			
10	TA70216	18810430150	Nguyễn Đức	Thuận	15/11/2000			
11	TA70217	19810420310	Bùi Duy	Thuyết	03/10/2001			
12	TA70218	19810310096	Phạm Đình	Tiếp	18/03/2001			
13	TA70219	22810810126	Hoàng Thu	Trang	29/06/2004			
14	TA70220	20810810137	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/10/2002			
15	TA70221	20810850016	Nguyễn Thủy	Trang	19/12/2002			
16	TA70222	20810000096	Tạ Vương	Triều	19/11/2002			
17	TA70223	19810430117	Ngô Vương	Trung	16/12/2001			
18	TA70224	20810430384	Nguyễn Phi	Trường	20/09/2001			
19	TA70225	21810430442	Trương Ngọc	Tú	08/02/2002			
20	TA70226	19810420173	Đàm Duy	Tuấn	04/10/2001			
21	TA70227	20810000315	Nguyễn Văn	Tuấn	06/05/2002			
22	TA70228	20810820058	Trần Lê Anh	Tuấn	16/01/2002			
23	TA70229	18810310248	Nguyễn Công	Tuệ	10/02/2000			
24	TA70230	20810420034	Nguyễn Thanh	Tùng	27/03/2002			
25	TA70231	18810420317	Hoàng Đình	Tuyền	20/06/2000			
26	TA70232	21810820120	Nguyễn Huy	Việt	20/03/2003			
27	TA70233	18810660061	Nguyễn Tá	Vượng	25/04/2000			
28	TA70234	18810830243	Vũ Ngọc Uyển	Vy	02/02/2000			

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)